TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 7 – 2022
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Nguyễn Văn Bé

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Hồng Th, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 3253 Tổ 26, khóm Thành Nhân, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 2 ấp Hưng Thịnh, xã Tân Hưng, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1; Địa chỉ: Ấp 1, xã T2, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Th và ông H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Huỳnh Thị Hồng Th: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Huỳnh Thị Hồng Th trình bày:

Bà Th và ông H có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn Q), huyện B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/11/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thanh Q, sinh ngày 24/9/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, ông H thường xuyên ăn nhậu, bỏ bê vợ con, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2020, bà Th và ông H đã sống ly thân và hiện tại ông H đang chấp hành án tại Trại giam T1. Nay, bà Th nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà Th không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Th yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thanh Q, sinh ngày 24/9/2017; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống với Bà Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – Ông Bùi Thanh H: Trong quá trình giải quyết vụ án – ông Bùi Thanh H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của Bà Th về thời gian kết hôn, con chung. Giữa ông và bà Th có thời gian tìm hiểu 01 năm. Ông H cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ tháng 11/2020, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà Th không chung thủy. Đến khi ông H vi phạm pháp luật, bị bắt chấp hành án thì vợ chồng không sống chung. Sau khi ông H đi chấp hành án thì từ đầu năm 2022, bà Th không tới thăm nuôi. Nay Bà Th yêu cầu ly hôn thì ông H có ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với Bà Th.

- Về con chung: Ông H đồng ý để bà Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thanh Q, sinh ngày 24/9/2017; ông H không cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện đang sống với Bà Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Th và ông H chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà Th trình bày từ tháng 9/2020, giữa bà Th và ông H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do Bà Th không chung thủy nên đối với yêu cầu bà Th yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý. Ông H đồng ý giao con chung cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cấp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Th. Về án phí, Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và Ông Bùi Thanh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn Q), huyện B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/11/2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông H hiện đang chấp hành án tại Trại Giam T1 thuộc huyện T, bà Th và ông H có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt Bà Huỳnh Thị Hồng Th và Ông Bùi Thanh H: Xét thấy, Bà Th và ông H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt Bà Th, ông H.

[3] Về hôn nhân giữa Bà Huỳnh Thị Hồng Th và Ông Bùi Thanh H:

Xét thấy, Bà Th trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Th không chung thủy. Như vậy, bà Th và ông H trình bày thống nhất giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn nhưng không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn. Bà Th xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông H là không thể hàn gắn được, bà Th không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Th thì ông H đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa Bà Th và ông H không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Th đối với ông H.

[4] Về con chung: Bà Th và ông H thống nhất trình bày vợ chồng có một con chung tên Bùi Thanh Q, sinh ngày 24/9/2017. Khi ly hôn, Bà Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông H thống nhất để Bà Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của Bà Th. Bà Th được quyền nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thanh Q. Bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng Th đối với ông Bùi Thanh H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Hồng Th được ly hôn với ông Bùi Thanh H.

2. Về con chung: Bà Th được quyền nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thanh Q, sinh ngày 24/9/2017. Ông Bùi Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Quý hiện đang sống với Bà Th).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Hồng Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011054 ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Th đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Bùi Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật